

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25- 02 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Văn Ký và bà Nguyễn Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Doãn Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bị đơn: anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Đỗ Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên không được hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: chị Nguyễn Thị H khai, vợ chồng có hai con chung. Các cháu tên là Đỗ Đình N, sinh ngày 01/05/2013 và Đỗ Mai T, sinh ngày 21/10/2014. Hiện nay, các cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Đỗ Văn H1 đến Toà án để viết bản khai nhưng anh H1 đã không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh H1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H1 và được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu N và T, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Đỗ Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh H1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên không được hòa thuận, hạnh phúc dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Theo biên bản xác minh ngày 03/12/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, vợ chồng chị H, anh H1 sau khi kết hôn, chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Từ tháng 03/2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Như vậy, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã thật sự trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Nguyễn Thị H khai, vợ chồng có hai con chung. Các cháu tên là Đỗ Đình N, sinh ngày 01/05/2013 và Đỗ Mai T, sinh ngày 21/10/2014. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án giấy khai sinh, trong đó xác định các cháu N và T là con chung của chị H và anh H1. Mặt khác, các cháu N và T được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định các cháu N và T là con chung của chị H và anh H1. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu N và T do chị H nuôi dưỡng. Cháu N cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, để tránh xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu nên giao các cháu N và T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H1.

2. Về con chung: công nhận các cháu Đỗ Đình N, sinh ngày 01/05/2013 và Đỗ Mai T, sinh ngày 21/10/2014 là con chung của anh Đỗ Văn H1 và chị Nguyễn Thị H. Giao các cháu N và T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009204 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Ký**

**Nguyễn Thị Liên**

**Đào Văn Nam**